

Bản án số: 255/2022/HS-PT
Ngày: 18-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh;

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Tấn Hào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 190/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2022/HS-ST ngày 24 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố S.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1996, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số 21A, ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn S (chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1960; Chồng: Lê Minh H, sinh năm 1995; Con: có 03 người, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền sự, tiền án: không; Tạm giữ, tạm giam: không; Hiện bị cáo tại ngoại; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án còn có người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim T là người mua bán trái cây gần tiệm vàng Kim Ngân tọa lạc số 06, Khóm 1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do chị Lê Thị Bạch P làm chủ nên giữa T với chị P quen biết với nhau.

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2020 đến tháng 11/2020, T sử dụng điện thoại di động đăng nhập mạng xã hội Facebook (không nhớ tài khoản tên gì) thấy có người đăng bán dây chuyền mạ vàng nên T lần lượt đặt mua 03 sợi dây chuyền, tổng cộng giá 3.700.000đ (trong đó: 01 sợi giá 1.000.000 đồng, 01 sợi giá 1.100.000 đồng và 01 sợi giá 1.600.000 đồng).

Đến khoảng tháng 4/2021 do mua bán trái cây thiếu vốn nên T lợi dụng sự quen biết của chị P, T đã nhiều lần lấy dây chuyền mạ vàng đặt mua trên mạng xã hội không có giá trị như vàng thật, T đi đến tiệm vàng Kim N gặp và cầm cho chị P cụ thể như sau:

- **Lần 01:** Ngày 10/4/2021, T cầm cho chị P 01 sợi dây chuyền, trọng lượng 4,47 chỉ với số tiền 11.000.000 đồng.

- **Lần 02:** Ngày 12/4/2021, Tiền cầm cho chị P 01 sợi dây chuyền, trọng lượng 1,1 lượng với số tiền 25.000.000 đồng.

- **Lần 03:** Ngày 13/4/2021, Tiền cầm cho chị P 01 sợi dây chuyền, trọng lượng 5,44 chỉ với số tiền 13.000.000 đồng.

Tổng cộng: **49.000.000đ.**

Đến ngày 14/4/2021, T tiếp tục mang sợi dây chuyền đến gặp chị P để cầm nhưng do T liên tục mang đến cầm nên chị P nghi ngờ, lấy 03 sợi dây chuyền mà T đã cầm cho chị P trước đó để kiểm tra thì phát hiện 03 sợi dây chuyền mà T đã cầm cho chị P vào các ngày 10/4/2021, 12/4/2021 và ngày 13/4/2021 là vàng giả.

Chị P để 03 sợi dây chuyền mà chị P cho là giả vào túi giấy niêm phong lại, có chữ ký xác nhận của T.

Đối với sợi dây chuyền T mang đến cầm vào ngày 14/4/2021, chị P không cầm nên trả lại cho T.

Do thấy hoàn cảnh của T khó khăn nên chị P không trình báo Công an ngay mà yêu cầu T giao trả lại số tiền 49.000.000 đồng đã chiếm đoạt, nhưng T chỉ trả lại số tiền 27.000.000 đồng, còn lại 22.000.000 đồng, sau đó T không bồi thường tiếp.

Đến ngày 05/5/2021 chị P đến Công an Phường 2, thành phố S trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, chị P đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S gồm:

- 02 USB bên trong có lưu giữ hình ảnh liên quan đến việc Tiền cầm 03 sợi dây chuyền mạng vàng cho chị P;

- 01 túi niêm phong bên trong có 03 sợi dây chuyền mạ vàng;

- 01 giấy xác nhận dây chuyền giả do Tiền viết;

- 03 giấy biên nhận của tiệm vàng Kim N vào các ngày 10/4/2021, 12/4/2021 và 13/4/2021.

Tại bản kết luận giám định số: 870/KL-KTHS ngày 19/10/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận:

1. Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, một đầu có màu trắng – đen, dạng có các khoen tròn kết lại với nhau, chiều dài 61,5cm, có in ký hiệu lõm không đọc được ký tự chữ và số, được để trong túi giấy và bấm ghim bấm ghi ký hiệu số 1 gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng nhỏ hơn 0,1%, có khối lượng 41,52 gam. Thành phần kim loại khác: kim loại đồng (Cu) có hàm lượng 17,6%, kim loại bạc (Ag) có hàm lượng 82,2%.

2. Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng có các khoen tròn kết lại với nhau, chiều dài 59,5cm, có in ký hiệu lõm “18K”, được để trong túi giấy và bấm ghim bấm ghi ký hiệu số 2 gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng: 0,417% có khối lượng 16,77 gam. Thành phần kim loại khác: kim loại đồng (Cu) có hàm lượng 43,2%, kim loại bạc (Ag) có hàm lượng 52,4%.

3. Một sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dạng có các khoen tròn kết lại với nhau, chiều dài 60,5cm, có in ký hiệu lõm không đọc được ký tự chữ và số, được để trong túi giấy và bấm ghim bấm ghi ký hiệu số 3 gửi giám định có chứa thành phần kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng 0,483%, có khối lượng 20,40 gam. Thành phần kim loại khác: kim loại đồng (Cu) có hàm lượng 13,9%, kim loại bạc (Ag) có hàm lượng 85,7%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2022/HS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố S đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 6 tháng 6 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị Kim T có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo hoặc được giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim T bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét mức hình phạt 02 (hai) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo có cung cấp thêm giấy xác nhận gia đình khó khăn và đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại. Tuy nhiên, các tình tiết này cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo và bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là “*phạm tội 02 lần trở lên*”. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Vào các ngày 10/4/2021, 12/4/2021 và ngày 13/4/2021 tại tiệm vàng Kim Ngân tọa lạc số 06, Khóm 1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, Nguyễn Thị Kim T đã 03 lần lợi dụng sự tin tưởng của chị Lê Thị Bạch P thực hiện hành vi gian dối là dùng 03 sợi dây chuyền mạ vàng trị giá 1.660.000đ, không có giá trị như vàng thật đem cầm cho chị Lê Thị Bạch P để chiếm đoạt tổng số tiền **49.000.000 đồng** tiêu xài cá nhân.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Kim T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo nhận thức được việc thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, là có tội nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Kim T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã có cân nhắc, xem xét về nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo có cung cấp thêm giấy xác nhận gia đình khó khăn và đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị hại. Tuy nhiên, các tình tiết này cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo và bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là “*phạm tội 02 lần trở lên*”. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Kim T. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Kim T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND TP. Sa Đéc (02 bản);
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Sa Đéc;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Cơ quan THAHS CA TP. Sa Đéc;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, HSVA, (Hào).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Tùng

[5] Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim Tiền không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Kim Tiền. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim Tiền.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim Tiền phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim Tiền 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Kim Tiền phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Khắc Thịnh

Nguyễn Thị Võ Trinh

Phạm Minh Tùng